| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 3 – AN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 74/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 31/10/2025

*V/v: Tranh chấp ly hôn*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – AN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: ông **Danh Pì Sách**

*Các Hội thẩm nhân dân:* ông **Vũ Văn Hợp**;

ông **Nguyễn Văn Kiện;**

*Thư ký phiên toà*: ông **Danh Lý Khang** – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 – An Giang.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa* - bà **Nguyễn Thị Kiều Hoa** – *Kiểm sát viên*

Ngày 31 tháng 10 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 227/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2025 về việc: *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39A/2025/QĐXX-HNGĐ, ngày 25 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số: 43A/2025/QĐST-HNGĐ ngày 12/9/2025 và Quyết định hoãn phiên toà số: 50A ngày 29/9/2025, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: ông **Đặng Văn M**, Sinh năm: 1982

Địa chỉ: ấp Hoà Ninh, xã Thạnh Lộc, tỉnh An G.

* Bị đơn: bà **Nguyễn Thị Thuý Tr**, sinh năm: 1986

Địa chỉ: ấp Hoà Ninh, xã Thạnh Lộc, tỉnh An G.

*(ông M có mặt tại phiên toà; bà Tr vắng mặt lần 02 không có lý do)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

* Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Đặng Văn M trình bày: tôi và Nguyễn Thị Thuý Tr được gia đình hai bên chấp nhận nên quyết định đi đến kết hôn, có tổ chức hôn lễ theo phong tục, tập quán, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong quá trình chung sống chúng tôi có 01 người con chung tên Đặng Vũ Tr (sinh ngày: 17/12/2007), ngoài ra vợ chồng tôi không có tài sản chung hay nợ chung.

Thời gian đầu vợ, chồng sống với nhau rất hạnh phúc, nhưng sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, dù vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành, hiện nay vợ chồng tôi đã ly thân. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc gia đình không đạt nên tôi làm đơn khởi kiện gửi đến Toà án, yêu cầu giải quyết cho tôi như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xin được ly hôn với vợ tên Nguyễn Thị Thuý Tr.

2. Về con chung: Có 01 người con chung tên Đặng Vũ Tr (sinh ngày: 17/12/2007), tôi xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Thuý T đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ kể từ khi thụ lý vụ án như: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa. Nhưng bị đơn vắng mặt không có văn bản trình bày ý kiến gửi đến Tòa án, cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang: Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn chuẩn xét xử kể từ ngày thụ lý vụ án đến ngày Quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận ông Đặng Văn Minh với bà Nguyễn Thị Thuý Trân là vợ, chồng.

Về con chung: Trong quá trình chung sống ông Đặng Văn M với bà Nguyễn Thị Thuý Tr có 01 con chung tên Đặng Vũ Tr (sinh ngày: 17/12/2007) đề nghị HĐXX giao cháu cho ông Đặng Văn Minh tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Do nguyên đơn không yêu cầu cấp dưỡng nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Về tài sản chung: ông Đặng Văn M và bà Nguyễn Thị Th Tr xác định không có và không yêu cầu, do đó đề nghị HĐXX không xem xét.

Về nợ chung: ông Đặng Văn M và bà Nguyễn Thị Thuý Tr xác định không có và không yêu cầu, do đó đề nghị HĐXX không xem xét.

Về án phí: ông Đặng Văn M phải chịu 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghị án, Toà án nhận định:*

[1] - *Về thủ tục tố tụng:*

[1.1] – *Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp*: Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (nay là Toà án nhân dân khu vực 3 – An Giang) nhận được đơn khởi kiện ông Đặng Văn M yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Thuý Tr, tuy nhiên cả 02 không có đăng ký kết hôn với nhau theo quy định pháp luật, nhưng đây vẫn là vụ án "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*" theo quy định tại khoản 7 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án. Bị đơn bà Nguyễn Thị Thuý Tr hiện đang sinh sống và làm việc tại: ấp Hoà Ninh, xã Mong Thọ A, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (nay là: ấp

Hoà Ninh, xã Thạnh Lộc, tỉnh An Giang) do đó căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (nay là Toà án nhân dân khu vực 3 – An Giang).

[1.2] – *Về sự vắng mặt của đương sự*: Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Thuý Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng bà Tr vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vụ án vắng mặt bà Tr là đúng theo quy định pháp luật.

[2] - *Về quan hệ hôn nhân:* ông Đặng Văn M trình bày ông và bà Tr chung sống tự nguyện từ năm 2005 và không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Qua xác minh ngày 31/10/2025 Toà án nhân dân khu vực 3 – An Giang, có đầy đủ cơ sở để Toà án xác định ông Đặng Văn M và bà Nguyễn Thị Thuý Tr có mối quan hệ chung sống với nhau như vợ, chồng nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy ông Đặng Văn M cương quyết muốn ly hôn với bà Tr, hơn nữa Toà án cũng đã nhiều lần tống đạt hợp lệ các văn bản để triệu tập bà T đến làm việc, cũng như tạo điều kiện cho bà Tr với ông Minh hoà giải hàn gắn tình cảm với nhau, nhưng bà Tr đều vắng mặt không có lý do, cũng như không có văn bản trình bày ý kiến của mình gửi cho Toà án, hơn nữa hiện nay cả hai đã ly thân với nhau từ lâu, do đó Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa ông M và bà Tr đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Hơn nữa, ông M và bà Tr là những người có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, đã chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, quan hệ của ông Minh và bà Trân không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 11; Điều 87 Luật Hôn nhân và gia đình và tinh thần hướng dẫn tại điểm b khoản 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị quyết số

35/2020/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Minh, mà giải quyết không công nhận ông Đặng Văn M với bà Nguyễn Thị Thuý Tr là vợ chồng.

[3]- *Về con chung:* Trong quá trình chung sống với nhau như vợ, chồng thì giữa ông Đặng Văn M với bà Nguyễn Thị Thuý Tr có 01 người con chung là tên Đặng Vũ Tr (sinh ngày: 17/12/2007), HĐXX nhận thấy hiện nay cháu Trường đang chung sống với ông M, hơn nữa tại bản trình bày ý kiến của nguyện vọng của mình, thì cháu trường vẫn có nguyện vọng được tiếp tục chung sống với ông M, do đó cần tiếp tục giao cháu Đặng Vũ Tr (sinh ngày: 17/12/2007) cho ông Đặng Văn M tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của con chưa thành niên.

[4] - *Về tài sản chung*: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Đặng Văn M xác định không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét vấn đề này, nếu sau này có phát tranh chấp thì các đương sự có quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

[5] - *Về nợ chung*: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Đặng Văn M xác định không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét vấn đề này, nếu sau này có phát tranh chấp thì các đương sự có quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

[6] - Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

[7] - Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Đặng Văn M là nguyên đơn do đó phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Căn cứ vào khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm b khoản 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2020/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Căn cứ điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên Xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Đặng Văn M với bà Nguyễn Thị Thuý Tr là vợ, chồng.

Về con chung: Giao cháu Đặng Vũ Tr (sinh ngày: 17/12/2007) cho ông Đặng Văn M tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Do ông M không yêu cầu cấp dưỡng nên HĐXX không xem xét.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con không lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con

2. Về tài sản chung: ông Đặng Văn M xác định không có và không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về nợ chung: ông Đặng Văn M xác định không có và không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Buộc ông Đặng Văn M phải chịu các khoản án phí gồm: án phí ly hôn với số tiền là 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng),* nhưng ông Đặng Văn M được khấu trừ vào 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010696, ngày 29/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 3, tỉnh An Giang), ông M không phải nộp thêm.

5. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

**Nơi nhận:**
*- TAND tỉnh An Giang;;*
*- VKSND khu vực 3,tỉnh An Giang;*
*- Phòng THADS khu vực 3, tỉnh An Giang;*
*- UBND xã Bình An, tỉnh An Giang;;*
*- Các đương sự;*
*- Lưu hồ sơ.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Danh Pì Sách**